

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **07/2026/DS - ST**

Ngày 29- 01- 2026

V/v tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bé Em

2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 282/2025/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211A/2025/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/QĐST –DS ngày 14/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N;

Trụ sở: Số B đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội (nay là phường G, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Minh H – Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh A.

Theo quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NNNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc A1 về Ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật cho Giám đốc chi nhánh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tô Minh H: Ông Nguyễn Văn M – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh A.

Địa chỉ: Số G, đường N, phường A, tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1975; CCCD 083175001002.

Địa chỉ thường trú: Số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

Địa chỉ liên lạc: Số G, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim P có vay vốn tại Ngân hàng N – chi nhánh thành phố A (nay là Ngân hàng N - chi nhánh A) theo các Hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng 7101-LAV-202400815 ngày 25/7/2024; Số tiền vay: 2.000.000.000 đồng; Phương thức vay: Hạn mức tín dụng; Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh Mua bán và cho thuê đồ cưới; dịch vụ trang điểm cô dâu, đám tiệc; cho thuê xe du lịch; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng; Ngày nhận tiền vay, hạn trả nợ, lãi suất cụ thể của các giấy nhận nợ như sau:

+ Số giải ngân 7101LDS202500478; Ngày giải ngân 24/01/2025; Ngày đến hạn 24/07/2025; Số tiền giải ngân 600.000.000 đồng; Dư nợ 312.500.000 đồng; Lãi suất 7,5%/năm.

+ Số giải ngân 7101LDS202500621; Ngày giải ngân 13/02/2025; Ngày đến hạn 13/08/2025; Số tiền giải ngân 100.000.000 đồng; Dư nợ 100.000.000 đồng; Lãi suất 7,5%/năm.

+ Số giải ngân 7101LDS202500939; Ngày giải ngân 04/3/2025; Ngày đến hạn 04/9/2025; Số tiền giải ngân 300.000.000 đồng; Dư nợ 300.000.000 đồng; Lãi suất 7,5%/năm.

+ Số giải ngân 7101LDS202502069; Ngày giải ngân 25/4/2025; Ngày đến hạn 25/10/2025; Số tiền giải ngân 400.000.000 đồng; Dư nợ 400.000.000 đồng. Lãi suất 6,5%/năm.

+ Số giải ngân 7101LDS202502348; Ngày giải ngân 13/5/2025; Ngày đến hạn 13/11/2025; Số tiền giải ngân 400.000.000 đồng; Dư nợ 400.000.000 đồng. Lãi suất 6,5%/năm.

+ Số giải ngân 7101LDS202502893; Ngày giải ngân 11/6/2025; Ngày đến hạn 11/12/2025; Số tiền giải ngân 400.000.000 đồng; Dư nợ 400.000.000 đồng. Lãi suất 6,5%/năm.

Khoản vay trên đã quá hạn thanh toán từ 25/7/2025. Số tiền nợ gốc đến ngày 29/01/2026 là 1.912.500.000 đồng, nợ lãi 123.650.975 đồng.

Hợp đồng tín dụng 7101-LAV-202400816 ngày 25/7/2024; Số tiền vay: 700.000.000 đồng; Phương thức vay: Từng lần; Thời hạn cho vay: 180 tháng; Ngày vay: 25/7/2024; Hạn trả: 25/7/2039; Mục đích sử dụng tiền vay: Sửa nhà ở tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre;

Khoản vay trên đã quá hạn thanh toán từ 27/7/2025. Số tiền nợ gốc đến ngày 29/01/2026 là 659.000.000 đồng, nợ lãi 52.887.841 đồng

Đối với hai hợp đồng tín dụng nêu trên hai bên còn thỏa thuận trong hợp đồng như sau:

+ Phương thức áp dụng lãi suất: Lãi suất cho vay điều chỉnh

Lãi suất cho vay điều chỉnh = (bằng) Phí bán vốn FTP của các loại dư nợ kỳ hạn tương ứng với thời hạn vay theo quy định của Tổng giám đốc A1 từng thời kỳ + (cộng) biên độ tối thiểu 2,5%, không thấp hơn sản lãi suất cho vay theo quy định của A1 tại thời điểm cho vay hoặc thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Kỳ điều chỉnh lãi suất: theo định kỳ 3 tháng/lần. Thời điểm điều chỉnh lãi suất cho vay vào các ngày 05/01, 05/04, 05/07 và 05/10.

Khi có sự thay đổi về lãi suất, Ngân hàng sẽ tự động cập nhật thay đổi lãi suất theo lãi suất tại thời điểm điều chỉnh và Ngân hàng công khai biểu lãi suất cho vay tại địa điểm giao dịch của Ngân hàng để thực hiện mà không phải có xác nhận của Khách hàng.

+ Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

+ Lãi chậm trả: 10,0%/năm.

Tổng cộng nợ của hai hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 29/01/2026 là 2.748.038.816 đồng (trong đó vốn: 2.571.500.000 đồng; nợ lãi 176.538.816 đồng).

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, các bên đã ký kết các hợp đồng thế chấp tài sản sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 7101/2024/265/CT/HĐTC ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 7101/2024/265A/CT/HĐTC ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số: 7101/2024/265B/CT/HĐTC ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số: 7101/2024/265C/CT/HĐTC ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Các tài sản đảm bảo bao gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số: 52, tờ bản đồ số: 27, Địa chỉ: Xã T - huyện C - Tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long); Diện tích: 101,3 m²; đất ONT theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CV 714629 số vào sổ cấp giấy CS07913 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh B cấp ngày 14/5/2020; tài sản trên do Bà Nguyễn Thị Kim P đứng tên.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số: 316, Tờ bản đồ số: 18, Địa chỉ: Xã T - huyện C - Tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long); Diện tích: 946,8 m²; đất CLN theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CV 714630 số vào sổ cấp giấy CS07914 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh B cấp ngày 14/5/2020; tài sản trên do Bà Nguyễn Thị Kim P đứng tên.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số: 317, Tờ bản đồ số: 18, Địa chỉ: Xã T - huyện C - Tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long); Diện tích: 174,2 m²; đất CLN theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CV 714631 số vào sổ cấp giấy CS07915 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh B cấp ngày 14/5/2020; tài sản trên do Bà Nguyễn Thị Kim P đứng tên.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số: 516, Tờ bản đồ số: 33, Địa chỉ: Xã T - huyện C - Tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long); Diện tích: 492,6 m²; Đất ở tại nông thôn: 300,0m²; đất trồng cây lâu năm: 192,6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CX 892730 số vào sổ cấp giấy CS08101 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh B cấp ngày 23/9/2020; tài sản trên do Bà Nguyễn Thị Kim P đứng tên.

Xe ô tô 5 chỗ, biển số 71A-061.65, nhãn hiệu HONDA CITY 1.5V, số khung: 666XJY805069, số máy: L15Z12334601, màu: trắng, năm sản xuất: 2018, nước sản xuất: Việt Nam, năm đưa vào sử dụng: 2018 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012891; số đăng ký: 71A-061.65, do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 27/12/2018; tài sản trên do Bà Nguyễn Thị Kim P đứng tên

Xe ô tô tải, biển số 71C-103.26, nhân hiệu SRM T30/MP, số khung: RM3BADAB9MN300070, số máy: SWCG1421608123, màu: xanh, năm sản xuất 2021, nước sản xuất: Việt Nam, năm đưa vào sử dụng: 2021 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 71 002869; số đăng ký: 71C-103.26, do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 08/11/2021; tài sản trên do Bà Nguyễn Thị Kim P đứng tên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bà Nguyễn Thị Kim P đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng và để phát sinh nợ quá hạn. Mặc dù ngân hàng đã tạo mọi điều kiện cho bà P thanh toán nợ nhưng bà Nguyễn Thị Kim P vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh A số tiền tính đến ngày 29/01/2025 là 2.748.038.816 đồng (trong đó vốn: 2.571.500.000 đồng; nợ lãi 176.538.816 đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim P tiếp tục phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 30/01/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ với lãi suất theo quy định trong Hợp đồng tín dụng mà bà Nguyễn Thị Kim P đã ký kết với Ngân hàng N - Chi nhánh A.

Trường hợp Bà Nguyễn Thị Kim P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết với Ngân hàng N - Chi nhánh A để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả trả cho nguyên đơn thì bà Nguyễn Thị Kim P có trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N - Chi nhánh A cho đến khi trả hết nợ.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị Kim P trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của đại diện Ngân hàng N - Chi nhánh A bà đồng ý trả số tiền 2.748.038.816 đồng (trong đó vốn: 2.571.500.000 đồng; nợ lãi 176.538.816 đồng) theo yêu cầu của ngân hàng. Tuy nhiên bà xin ngân hàng tạo điều kiện cho bà có thời gian bán tài sản đã thế chấp cho ngân hàng nêu trên để trả nợ như cam kết. Bà không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HDXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung vụ án: Ngân hàng N - Chi nhánh A yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh A số tiền 2.748.038.816 đồng (trong đó vốn: 2.571.500.000 đồng; nợ lãi 176.538.816 đồng). Đồng thời yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim P phải tiếp tục phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 30/01/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định trong Hợp đồng tín dụng mà bà Nguyễn Thị Kim P đã ký kết với Ngân hàng N - Chi nhánh A.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Hợp đồng tín dụng 7101-LAV-202400815 ngày 25/7/2024 và Hợp đồng tín dụng 7101-LAV-202400816 ngày 25/7/2024. Xét thấy: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn thống nhất hai Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn về chủ thể ký kết, về mục đích và nội dung, về hình thức của các hợp đồng tín dụng nêu trên đều tuân theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng; đồng thời nguyên đơn, bị đơn thống nhất số tiền nợ tính đến ngày 29/01/2026 thì bà P còn nợ Ngân hàng N - Chi nhánh A số tiền 2.748.038.816 đồng (trong đó vốn: 2.571.500.000 đồng; nợ lãi 176.538.816 đồng) và đồng ý trả số tiền này nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Xét về các hợp đồng thế chấp:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 7101/2024/265/CT/HĐTC ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 7101/2024/265A/CT/HĐTC ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số: 7101/2024/265B/CT/HĐTC ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số: 7101/2024/265C/CT/HĐTC ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Xét thấy: Bà Nguyễn Thị Kim P đã ký kết các hợp đồng thế chấp nêu trên với Ngân hàng N - Chi nhánh A là người có đủ năng lực hành vi dân sự, đã tự nguyện thỏa thuận ký kết hợp đồng với nhau; Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật. Đồng thời, các hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nơi có đất hoặc tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định

tất cả hợp đồng thế chấp mà các bên đã tự nguyện ký kết là đúng với quy định pháp luật nên hợp đồng thế chấp trên phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm. Để đảm bảo quyền lợi cho bên cho vay, trường hợp bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tất cả các tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 7101/2024/265/CT/HĐTC ngày 25 tháng 7 năm 2024; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 7101/2024/265A/CT/HĐTC ngày 25 tháng 7 năm 2024; Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số: 7101/2024/265B/CT/HĐTC ngày 25 tháng 7 năm 2024; Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số: 7101/2024/265C/CT/HĐTC ngày 25 tháng 7 năm 2024 để thu hồi nợ, tương ứng với số tiền bà P có nghĩa vụ phải trả.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án;

Bà Nguyễn Thị Kim P chịu án phí theo quy định.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 100 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng 2024

Các Điều 463, Điều 466, Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N - Chi nhánh A.

Buộc bà Nguyễn Kim P trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh A số tiền 2.748.038.816 (hai tỷ, bảy trăm bốn mươi tám triệu, không trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm mười sáu) đồng. Trong đó vốn: 2.571.500.000 (hai tỷ, năm trăm bảy mươi một triệu, năm trăm nghìn) đồng; nợ lãi 176.538.816 (một trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn, tám tám trăm mười sáu) đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim P có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc với mức lãi suất thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết

kể từ ngày 30/01/2026 cho đến khi trả tất các khoản nợ vay cho N - Chi nhánh A.

Trường hợp bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng N - Chi nhánh A có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tất cả các tài sản đã thế chấp theo các hợp đồng như sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 7101/2024/265/CT/HĐTC ngày 25 tháng 7 năm 2024

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 7101/2024/265A/CT/HĐTC ngày 25 tháng 7 năm 2024

Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số: 7101/2024/265B/CT/HĐTC ngày 25 tháng 7 năm 2024

Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số: 7101/2024/265C/CT/HĐTC ngày 25 tháng 7 năm 2024

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số: 52, Tờ bản đồ số: 27, Địa chỉ: Xã T - huyện C - Tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long); Diện tích: 101,3 m²; đất ONT theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CV 714629 số vào sổ cấp giấy CS07913 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh B cấp ngày 14/5/2020; tài sản trên do Bà Nguyễn Thị Kim P đứng tên

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số: 316, Tờ bản đồ số: 18, Địa chỉ: Xã T - huyện C - Tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long); Diện tích: 946,8 m²; đất CLN theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CV 714630 số vào sổ cấp giấy CS07914 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh B cấp ngày 14/5/2020; tài sản trên do Bà Nguyễn Thị Kim P đứng tên

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số: 317, Tờ bản đồ số: 18, Địa chỉ: Xã T - huyện C - Tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long); Diện tích: 174,2 m²; đất CLN theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CV 714631 số vào sổ cấp giấy CS07915 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh B cấp ngày 14/5/2020; tài sản trên do Bà Nguyễn Thị Kim P đứng tên

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số: 516, Tờ bản đồ số: 33, Địa chỉ: Xã T - huyện C - Tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long); Diện tích: 492,6 m²; Đất ở tại nông thôn: 300,0m²; đất trồng cây lâu năm: 192,6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn

liên với đất số: CX 892730 số vào sổ cấp giấy CS08101 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh B cấp ngày 23/9/2020; tài sản trên do Bà Nguyễn Thị Kim P đứng tên + Xe ô tô 5 chỗ, biển số 71A-061.65, nhãn hiệu HONDA CITY 1.5V, số khung: 666XJY805069, số máy: L15Z12334601, màu: trắng, năm sản xuất: 2018, nước sản xuất: Việt Nam, năm đưa vào sử dụng: 2018 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012891; số đăng ký: 71A-061.65, do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 27/12/2018; tài sản trên do Bà Nguyễn Thị Kim P đứng tên

+ Xe ô tô tải biển số 71C-103.26. nhãn hiệu SRM T30/MP. số khung: RM3BADAB9MN300070, số máy: SWCG1421608123, màu: xanh, năm sản xuất 2021 nước sản xuất: Việt Nam, năm đưa vào sử dụng: 2021 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 71 002869; số đăng ký: 71C-103.26, do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 08/11/2021; tài sản trên do bà Nguyễn Thị Kim P đứng tên.

Trường hợp tài sản không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh A thì bà Nguyễn Thị Kim P có trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả tất nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị Kim P chịu 86.960.776 (T mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, bảy trăm bảy mươi sáu) đồng.

Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 43.263.097 (Bốn mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm chín mươi bảy) đồng theo biên lai thu số 0007641 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND khu vực 5 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- Lưu HSVA+VP.

Huỳnh Thị Phê

